

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định mức thu học phí và mức thu
xây dựng trường năm học 1999-2000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân;
- Căn cứ Quyết định số 70/QĐ/TTg ngày 31/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu, chi học phí trong hệ thống trường quốc lập và Thông tư Liên Bộ Giáo dục-Đào tạo và Tài chính số 54/1998 /TTLT-Bộ GD&ĐT- TC ngày 31/03/1998 hướng dẫn thi hành Quyết định 70/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Sau khi xin ý kiến của Thường trực Thành ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo ; Tài chính-Vật giá tại các Tờ trình số 724 /LS/GD.ĐT-TC.VG ngày 5/8/1999 và Tờ trình số 885/LS/GD.ĐT-TC.VG ngày 24/8/1999 về các khoản thu học phí, thu xây dựng trường năm học 1999-2000.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Cho phép thu học phí và thu xây dựng trường học năm học 1999-2000 như sau:

A. MỨC THU HỌC PHÍ

1. Ngành học Mầm non :

1.1 Hệ công lập

Quân, nội thị :

Nhà trẻ : 40.000 đến 80.000 đ
(học sinh/tháng)

Mẫu giáo : 35.000 đến 66.000 đ
(học sinh/tháng)

Trường thi trấn:

30.000 đến 50.000 đ
(học sinh/tháng)

15.000 đến 30.000
(học sinh/tháng)

Ủy ban Nhân dân Quận, Huyện, Thị xã quyết định mức thu cụ thể trong khung quy định .

1.2 Hệ ngoài công lập :

Mức thu do UBND quận, huyện, thị xã qui định trên cơ sở tối thiểu phải đảm bảo được đời sống giáo viên và được sự thỏa thuận của phụ huynh học sinh.

Mức thu nhà trẻ không quá 80.000 đ; mẫu giáo không quá 70.000 đ.

Đối với các trường mầm non ở các xã , mức thu từ 10.000 đ đến 15.000 đ/tháng

Tất cả các hệ nói trên đều *thu theo số tháng thực học* trong một năm học

2. Ngành học Phổ thông :

2.1- Hệ công lập :**Quận, nội thị :****Huyện, ngoại thị :**

Tiểu học : Không thu học phí với các lớp học một buổi ngày.

- Đối với các lớp học 2 buổi ngày , mức thu hỗ trợ buổi thứ hai không quá 25.000 đ/ học sinh /tháng.
- Các lớp bán trú (có ăn nghỉ trưa) mức thu hỗ trợ không quá 50.000 đ/ học sinh /tháng

Trung học cơ sở :

Lớp 6	13.000 đ/học sinh/tháng	7.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 7	15.000 đ/học sinh/tháng	8.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 8	17.000 đ/học sinh/tháng	9.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 9	19.000 đ/học sinh/tháng	10.000 đ/học sinh/tháng

Phổ thông Trung học :

Lớp 10	20.000 đ/học sinh/tháng	12.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 11	25.000 đ/học sinh/tháng	15.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 12	30.000 đ/học sinh/tháng	18.000 đ/học sinh/tháng

2. 2: Hệ bán công trong trường công lập :

Lớp 10	35.000 đ/học sinh/tháng	18.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 11	40.000 đ/học sinh/tháng	20.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 12	45.000 đ/học sinh/tháng	23.000 đ/học sinh/tháng

2. 3: Hệ Trường bán công :

Lớp 10	45.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 11	50.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 12	60.000 đ/học sinh/tháng

2.4 : Tiền học phí học nghề : Đối với các trường phổ thông có học nghề và các Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật Tổng hợp thu 7.000 đ/tháng/học sinh , thu theo số tháng thực học

2. 5 : Hệ dân lập , tư thục :

Mức thu do trường quy định trên cơ sở lấy thu bù chi nhưng không vượt quá mức dưới đây :

Hệ dân lập , tư thục

- Tiểu học bán trú không quá 80.000 đ /học sinh/tháng
- Trung học cơ sở không quá 40.000 đ/học sinh/tháng

- Phổ thông trung học :

* Trường có xây dựng các phòng học kiên cố và có mua sắm thiết bị đồ dùng

dạy học khá hiện đại thu không quá 80.000 đ/học sinh/tháng

* Các trường còn lại thu không quá 70.000 đ/học/sinh/tháng

* Tiền xây dựng trường phải được Liên sở Tài chính-Vật giá và Giáo dục-Đào tạo duyệt cụ thể nhưng không vượt quá mức quy định đối với hệ thống trường công lập ở cùng khu vực.

2. 6: Hệ Bổ túc văn hóa

Bổ túc trung học cơ sở

- Các lớp phổ cập trung học cơ sở lấy trong kinh phí phổ cập
- Các lớp thường

Lớp 6	8.000 đ/học sinh/tháng	4.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 7	10.000 đ/học sinh/tháng	5.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 8	12.000 đ/học sinh/tháng	6.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 9	14.000 đ/học sinh/tháng	7.000 đ/học sinh/tháng

Bổ túc trung học Mức thu tối đa không quá :

Lớp 10	30.000 đ/học sinh/tháng	20.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 11	37.000 đ/học sinh/tháng	25.000 đ/học sinh/tháng
Lớp 12	45.000 đ/học sinh/tháng	30.000 đ/học sinh/tháng

Các lớp bổ túc văn hoá ven nội Thành của Huyện An hải , Huyện Thủy nguyên được áp dụng mức thu của nội thành .

* Tất cả các hệ trên đều thu 9 tháng trong 1 năm học và thu làm 2 kỳ, tương ứng với 2 học kỳ, hoặc hàng tháng do hiệu trưởng từng trường quy định phù hợp với điều kiện từng địa phương. Riêng bổ túc văn hóa thu theo số tháng thực học.

* Các trường tiểu học không có nguồn thu học phí , để hỗ trợ tiền điện, nước, bảo vệ, phục vụ và các hoạt động giáo dục khác , các trường được thu một khoản theo mức sau :

	Nội thành ,nội thị	Ngoại thành
Trường tiểu học	6.000 đ/học sinh/tháng	3.000 đ/học sinh/tháng

3. Ngành Giáo dục Chuyên nghiệp :

3. 1- Hệ công lập :

Các trường Sư phạm : Hệ chính quy (có chỉ tiêu) học sinh , sinh viên được miễn học phí . Học sinh và sinh viên phải làm đơn cam đoan sau khi ra trường phải chấp hành theo sự phân công và điều động của nhà nước.

Các trường thuộc các ngành đào tạo khác

- Trường trung học và dạy nghề nông nghiệp.

30.000 đ - 50.000 đ/học sinh/tháng

- Trường trung học Y tế :

80.000 đ đến 100.000 đ / học sinh

- Các trường trung học và dạy nghề khác

60.000 đồng - 80.000 đ/học sinh/tháng

* Mức thu cụ thể của từng đơn vị do đơn vị đề xuất trong khung thu nói trên, báo cáo Liên Sở Giáo dục-Đào tạo và Tài chính -Vật giá duyệt trong khung quy định.

*Học phí được thu 10 tháng trong năm học và thu từng tháng hoặc 2 tháng một lần .

3-2 : Hệ chính quy ngoài chỉ tiêu

Mức thu học phí đối với một học sinh, sinh viên cho một năm học bảo đảm trang trải cho chi phí đào tạo cần thiết , nhưng không vượt quá mức chi ngân sách đầu tư cho một học sinh công lập tương ứng với từng bậc học và ngành đào tạo.

* Đối với các loại hình đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng v.v... căn cứ vào số tháng đào tạo thực tế để thu và qui định mức thu.

- Đối với các lớp đại học chính quy không tập trung ,các lớp liên kết với các trường Đại học, Trung học dạy nghề, mức thu do trường đề nghị và

được Sở Giáo dục-Đào tạo, Sở Tài chính trình Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt, mức thu học phí từ 120.000 đ đến 180.000 đồng /học sinh/tháng.

B.MỨC THU TIỀN XÂY DỰNG TRƯỜNG (Có thống kê cụ thể kèm theo)

Điều II: Giao:

+Sở Giáo dục - Đào tạo và Sở Tài chính Vật giá hướng dẫn thu, chi học phí cụ thể, đảm bảo đúng quy định của Liên Bộ Tài chính và Giáo dục-Đào tạo.

+ Ủy ban Nhân dân các quận, huyện, thị xã quy định cụ thể mức thu xây dựng trường cho phù hợp với từng địa bàn trong khung đã quy định.

+ Sở Giáo dục - Đào tạo và Sở Tài chính Vật giá hướng dẫn sử dụng kinh phí xây dựng trường đúng mục đích, đảm bảo đúng nguyên tắc, công bằng và công khai cho cha mẹ học sinh biết.

+ Sở Giáo dục - Đào tạo và Sở Tài chính Vật giá có trách nhiệm kiểm tra, xử lý những đơn vị làm trái quyết định này; báo cáo Ủy ban Nhân dân thành phố.

Ngoài các khoản thu trên, không được thu thêm bất cứ khoản nào khác.

Điều III:

- Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở Giáo dục-Đào tạo, Tài chính Vật giá, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã, Thủ trưởng các Ban, Ngành liên quan, Hiệu trưởng các trường căn cứ quyết định thi hành.

-Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc phải báo cáo về Ủy ban Nhân dân thành phố để giải quyết.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố
- Như điều III
- Báo, Đài PTTH HP để đưa tin
- CPVP, CVVX; TCTN
- Lưu

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT/ Chủ tịch

Phó Chủ tịch



* **Bu Thị Sinh**